Bảng dữ liệu kỹ thuật

Keo trám kín BS-8620 / BS-8620S LM MS

Đặc tính

- Tuân thủ ASTM C920 Compliant
- Tuân thủ ISO 11600 (F Class 25 LM)
- Khả năng di chuyển ±50 %
- Khả năng chống chịu thời tiết tốt hơn so với keo PU
- Có thể sơn
- Điện tích tĩnh thấp (Ít vệt bẩn hơn)
- Không chứa dầu silicone (Không ố màu trên các bề mặt liền kề)
- Không chứa Isocyanate (Không tạo bọt khí)
- Không chứa dung môi (Không co ngót)
- Không cần sơn lót với hầu hết các bề mặt

Màu sẵn có

- Trắng
- Đen
- Ghi

Đóng gói

- *290 ml (tuýp)~20/thùng*
- *600 ml (thỏi)~20/ thùng*

Bảo quản

- Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát ở nhiệt độ dưới 30°C
- Kể từ ngày sản xuất, 9 tháng đối với thùng nhựa HDPE; và 12 tháng đối với tuýp lá nhôm.

Product Specification

Hệ thống bảo dưỡng		: Bảo dưỡng độ ẩm
Hình thức		: Bột nhão không chảy xệ (trước ninh kết) Cao su đàn hồi (sau ninh kết)
Tỷ trọng		: 1.54 gm/ml
Độ bền kéo tối đa khi đứt (ASTM D412)		: 1.1 N/mm²
Độ giãn dài khi đứt	(ASTM D412)	: 600 %
Độ cứng Shore A	(ASTM C661)	: 33
Khả năng di chuyển khe nối	(ASTM C719)	: ±50 %
Hồi phục đàn hồi	(ISO 7389)	: >70 %
Lún	(ASTM D2202)	: <1mm
Hàm lượng VOC	(USEPA Method 24)	: <10 gm/L
	(USEPA Method 310)	: 0.08%
Độ sâu ninh kết (24 giờ) ở 23 °C, Độ ẩm 50%		: Xấp xỉ 3 mm
Thời gian hết dính/tạo màng (ở 23 °C, Độ ẩm 50%.)		: 20 – 60 phút
Nhiệt độ thi công		: 5 °C đến 40 °C
Nhiệt độ sử dụng		: -20 °C đến 90 °C

Mô tả

BS-8620 là keo trám kín đa năng dựa trên công nghệ MS Polymer tiên tiến. Nó là chất bịt kín đàn hồi một thành phần có đặc tính bám dính tuyệt vời trên nhiều chất nền khác nhau như bê tông. Sau khi đóng rắn, chất bịt kín có tính đàn hồi vĩnh viễn và có khả năng di chuyển ±50%. BS-8620 không chứa dung môi và isocyanate, do đó sẽ không gặp phải vấn đề co ngót và sủi bọt khí. Nó cũng không chứa dầu silicon, làm giảm các vấn đề về thẩm mỹ của tòa nhà do bụi bẩn gây ra. Độ bám dính trên nhiều loại bề mặt khác nhau tốt ngay cả khi không cần sơn lót nhưng vẫn có thể sơn được bằng các loại sơn công nghiệp thông thường.

Thi công

Được khuyên dùng để bịt kín các mối nối bê tông như mối nối tấm tường đúc sẵn, khe co giãn, mối nối điều khiển, mối nối kết nối, v.v. Nó cũng lý tưởng cho việc bịt kín xung quanh khung cửa sổ, đặc biệt khi cần sơn keo. Các ứng dụng được đề xuất khác bao gồm bịt kín hệ thống bảng GRC, nhôm anodized, khối xây, sứ, kim loại tráng, gỗ thành phẩm, tấm epoxy và polyester, UPVC, polystyrene và thép không gỉ.

Hướng dẫn

1. Bề mặt phải sạch, khô và không có bụi bẩn, dầu mỡ, dầu hoặc nước.
2. Bề mặt phải được làm sạch bằng cồn, M.E.K. hoặc dung môi thích hợp khác. Không sử dụng xà phòng hoặc chất tẩy rửa.
3. Để hoàn thiện gọn gàng, dán băng dính và tháo nó ra trước khi thi công lớp keo lên trên.
4. Sơn lót 602 được khuyên dùng cho các bề mặt xốp như bê tông để có độ bám dính tuyệt vời.
5. Cắt đầu và dùng vòi p chọc thủng lớp màng bọc giấy bạc bên trong. Cắt vòi ở góc 45° với chiều rộng hạt mong muốn và thi công chất trám kín lên bề mặt bằng súng bơm.
6. Ép keo trước khi bóc vỏ.
7. Keo chưa đóng rắn có thể được làm sạch bằng cồn khoáng.
8. Sử dụng vật liệu lót đã được phê duyệt cho các mối nối có độ sâu trên 10 mm.

BS-8620

LM MS Sealant

Thiết kế khe

- Kích thước khe nối phải được thiết kế bằng cách xem xét khả năng dịch chuyển của keo và chuyển động dự kiến của khe
- Nói chung tỷ lệ chiều rộng và chiều sâu của khe là 2:1 đối với chiều rộng khe ≥12 mm hoặc 1:1 đối với chiều rộng khe <12 mm
- Chiều rộng khe: tối thiểu = 6 mm, tối đa = 35 mm *
- Độ sâu khe nối: tối thiểu = 6 mm, tối đa = 12 mm

* Có thể trám keo các mối nối có chiều rộng mối nối lớn hơn nhưng chất bịt kín có thể bị võng khi thi công theo chiều dọc.

Độ phủ

Rộng	Sâu	Độ phủ (290 ml) *	Độ phủ (600 ml) *
6 mm	6 mm	7.32 m	15.15 m
10 mm	10 mm	2.64 m	5.45 m
20 mm	10 mm	1.32 m	2.73 m
25 mm	12 mm	0.88 m	1.82 m

* Các số liệu bao phủ được hiển thị ở trên là số liệu đo tuyến tính gần đúng dựa trên giả định lãng phí 10%. Phạm vi bao phủ thực tế có thể khác nhau.

- Công thức tính:

X / [(**Y** x **Z**) x 1.1] = ***độ bao phủ***
X = thể tích hộp mực (tuýp) tính bằng ml,
Y = chiều rộng khe nứt tính bằng cm, Z = chiều sâu khe nứt tính bằng cm
1.1 = giả định lãng phí 10%,
Phạm vi bao phủ = mét tuyến tính chạy bằng cm trên mỗi hộp (tuýp)

Hạn chế

Chống chỉ định cho các ứng dụng sau:

- Dưới mực nước hoặc ngâm trong nước vĩnh viễn.
- Niêm phong/liên kết ngoài trời liền kề với bề mặt kính.
- Bề mặt polyetylen, polypropylen, polytetrafluoroetylen (Teflon), cao su tổng hợp và bitum.
- Được phủ thêm bằng
  - Sơn nhựa Alkyd – chữa hiện tượng ức chế sơn
  - Sơn clo - vấn đề ố màu
  - Sơn gốc dầu - không tương thích

Cảnh báo

Tránh xa tầm tay trẻ em. Chứa aminosilan. Có thể gây nên dị ứng. Bảng dữ liệu an toàn có sẵn theo yêu cầu. Để biết thêm thông tin về sức khỏe và an toàn, hãy tham khảo bảng dữ liệu an toàn mới nhất.

Thông tin bảo hành có giới hạn

Bossil Technology cung cấp bảo hành vật liệu trong thời gian 5 năm nếu sản phẩm được sử dụng trong thời hạn sử dụng và tuân thủ các quy trình ứng dụng tiêu chuẩn công nghiệp. Bossil Technology từ chối trách nhiệm pháp lý đối với mọi tổn thất hoặc thiệt hại do hậu quả hoặc ngẫu nhiên gây ra do việc sử dụng không đúng cách. Bảo hành vật chất chỉ bao gồm việc thay thế sản phẩm mà không phát sinh các chi phí khác nếu lỗi được chứng minh là có liên quan trực tiếp đến sản phẩm trong thời gian bảo hành. Bảo hành vật liệu sẽ chỉ được thực hiện khi khách hàng gửi tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết và thư bảo hành vật liệu chính thức được phát hành bởi Bossil Technology. Mọi yêu cầu bảo hành sẽ được gửi trực tiếp tới Bossil Technology bằng văn bản. Bossil Technology sẽ không chịu trách nhiệm cho đến khi đại diện của Bossil Technology kiểm tra hiện trường để xác nhận lỗi được cho là đã được thực hiện.

Scan to learn more

Visit product page:
https://www.bossil.com/product/sealants/ms-polymer-sealant/bs-8620-bs-8620s-lm-ms-sealant/

Mọi nỗ lực đã được thực hiện để đảm bảo rằng thông tin được cung cấp ở đây là đúng sự thật và đáng tin cậy nhưng nó chỉ được đưa ra nhằm mục đích hướng dẫn cho khách hàng của chúng tôi. Công ty không thể chấp nhận bất kỳ trách nhiệm nào đối với sự mất mát hoặc thiệt hại có thể xảy ra do việc sử dụng thông tin, do có thể có những thay đổi trong quá trình xử lý hoặc điều kiện làm việc và tay nghề ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi. Người dùng nên xác nhận sự phù hợp của sản phẩm này bằng các thử nghiệm của chính họ.